

Bản án số: **04/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 14/01/2020

Về việc: “*Yêu cầu ly hôn và nuôi con*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hà Thị Kim Thu

2. Bà Phạm Hồng Gái

- Thư ký ghi biên bản: Bà Nguyễn Thị Thành Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất: không tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 311/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2019 về việc “*Yêu cầu ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Tạ Thị N**, sinh năm 1980 (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh **Cù Huy V**, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Các đương sự cùng địa chỉ: Số nhà 369 khu phố Đường Hòn, thị trấn Hòn Đất, huyện HD tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn xin ly hôn, chị Tạ Thị N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Cù Huy V quen biết, tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Hòn Đất,

huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang ngày 05/3/2004. Thời gian chung sống vợ chồng chị sinh được 02 người con chung tên Cù Huy Thịnh, sinh ngày 28/01/2005 và Cù Hồng Phúc, sinh ngày 28/11/2015.

Về mâu thuẫn gia đình: Từ năm 2005, vợ chồng chị bắt đầu có nhiều mâu thuẫn về cách sống và suy nghĩ nên có sự bất đồng trong cuộc sống chung. Chị N cho rằng anh V sống vì bản thân mình nhiều hơn, không biết tôn trọng, chia sẻ khó khăn cuộc sống với vợ. Sau hơn 10 năm chung sống, đến nay chị N không muốn gắn bó lâu dài với anh V, không muốn tiếp tục kéo dài thêm cuộc sống hôn nhân này nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V để mỗi người có cuộc sống riêng của mình.

- Về con chung: Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh chị có một căn nhà tọa lạc tại số 369 khu phố Đường Hòn, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, trị giá căn nhà khoảng 500.000.000 đồng. Chị N yêu cầu chia đôi tài sản chung.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đến ngày 20/11/2019 chị Tạ Thị N có Đơn xin rút yêu cầu về chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Tờ khai ngày 10/10/2019, bị đơn anh Cù Huy V trình bày:*

- Anh V không đồng ý ly hôn, muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình để nuôi con cái thành người.

- Về con chung: Anh V yêu cầu mỗi người sẽ nuôi một đứa con chung, chị N có quyền chọn một trong hai đứa, đứa còn lại anh V nuôi.

- Về tài sản chung: Sau khi kết hôn năm 2004, đến năm 2008 bố mẹ chị N có cho vợ chồng anh một miếng đất thổ cư (chị N đang đứng tên). Ngôi nhà cất trên phần đất này năm 2017 trị giá 700.000.000 đồng.

Vợ chồng anh còn mua lại một miếng đất thổ cư của ông Đoàn Thế Hạnh ở ấp Bến Đá, xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, hiện nay chị N đang giữ giấy tờ.

Ngoài ra, vợ chồng anh còn mua 01 công đất ruộng của bà Đặng Việt Bình, cư ngụ ở khu phố Đường Hòn, vừa rồi chị N đã bán 50.000.000 đồng và đang quản lý số tiền này.

Anh V yêu cầu chia đôi tài sản chung nêu trên.

- Về nợ chung: Vợ chồng anh có vay Ngân hàng Trung ương ở Rạch Giá số tiền 170.000.000 đồng do anh V đứng tên, trả dần theo lương hàng tháng. Anh V yêu cầu chia đôi nợ chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Tạ Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và nuôi con của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Cù Huy V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh V.

2. Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị N và anh Cù Huy V kết hôn là do tự nguyện yêu thương và đi đến hôn nhân. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/3/2004 là đúng quy định của Luật Hôn nhân gia đình. Do đó, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, trong thời kỳ hôn nhân anh chị phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống chung, nguyên nhân là do hai bên có sự bất đồng quan điểm về lối sống và cách nghĩ, từ đó tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, không được hạnh phúc, có sự bất hòa trong gia đình.

Tại phiên tòa hôm nay, chị N xác định không còn tình cảm với anh V nên chị mong muốn được ly hôn để chấm dứt mối quan hệ vợ chồng này.

Hội đồng xét xử (HĐXX) xét thấy: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã nhiều lần động viên, hòa giải và cho các đương sự có thời gian suy nghĩ lại để hàn gắn với nhau cùng xây dựng một gia đình hạnh phúc, cùng nuôi dạy các con chung trưởng thành, tuy nhiên chị N vẫn kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh V, không muốn gắn bó lâu dài với anh V. Như vậy, HĐXX có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị N.

3. Về con chung: Chị N và anh V có 02 con chung tên Cù Huy Thịnh, sinh ngày 28/01/2005 và Cù Hồng Phúc, sinh ngày 28/11/2015. Chị N có yêu cầu được tiếp tục nuôi các con. Phía anh V có yêu cầu mỗi người tiếp tục nuôi 01 con chung. Xét thấy, tại bản tự khai của cháu Cù Huy Thịnh, cháu Thịnh trình bày có nguyện vọng muốn được ở với mẹ, còn cháu Cù Hồng Phúc hiện nay còn nhỏ nên rất cần có sự chăm sóc của người mẹ. Xét về mặt kinh tế, chị N hiện đang công tác tại lực lượng vũ trang thuộc Công an thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang có mức thu nhập ổn định nên chị N hoàn toàn có đủ điều kiện kinh tế để tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho hai con. Do đó, HĐXX nghị nên chấp nhận yêu cầu được nuôi con của chị N. Nếu trong thời gian nuôi con, chị N không đảm bảo được

việc chăm lo cho các con chung thì anh V có quyền làm Đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con để được Tòa án xem xét giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

4. Về tài sản chung:

Ngày 20/11/2019, chị Tạ Thị N có Đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung. Việc rút yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện nên Tòa án chấp nhận đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị Tạ Thị N.

Đối với yêu cầu chia tài sản chung của anh Cù Huy V được nêu trong Tờ khai ngày 10/10/2019: Tòa án có Thông báo cho anh V phải làm Đơn phản tố yêu cầu chia tài sản chung theo quy định của pháp luật nhưng anh V không thực hiện nên HĐXX không thụ lý giải quyết yêu cầu của anh V tại Tờ khai. Do đó, nếu các bên không tự thỏa thuận được việc chia tài sản chung thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

5. Về nợ chung: Chị N xác định không có nợ chung. Tại Tờ khai của anh V ngày 10/10/2019, anh V cho rằng vợ chồng anh có vay Ngân hàng Trung ương ở Rạch Giá số tiền 170.000.000 đồng do anh V đứng tên, trả dần theo lương hàng tháng, anh V yêu cầu chia đôi nợ chung này. Tuy nhiên khi Tòa án yêu cầu anh cung cấp chứng cứ về việc vay vốn Ngân hàng thì anh V lại không hợp tác cung cấp nên Tòa án không có căn cứ để xem xét.

Nếu sau này các bên có phát sinh tranh chấp về nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của chị Tạ Thị N.

6. Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 28, Điều 227, Điều 228 Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Tạ Thị N được ly hôn với anh Cù Huy V.

2. Về con chung: Giao cho chị Tạ Thị N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Cù Huy Thịnh, sinh ngày 28/01/2005 và Cù Hồng Phúc, sinh ngày 28/11/2015 đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh V được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không có yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị Tạ Thị N.

4. Về nợ chung: Chị N xác định không có nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này các bên có phát sinh tranh chấp về nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

5. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Chị Tạ Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.250.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo biên lai thu số 0005623 ngày 30 tháng 7 năm 2019. Chị N được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 5.950.000 đồng (Năm triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Án xử công khai. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Cù Huy V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS cùng cấp;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- UBND thị trấn Sóc Sơn;
- Lưu.

Nguyễn Thị Cúc